

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN MỸ
TỈNH HƯNG YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 69 /2022/ HNGĐ - ST
Ngày: 23/6/2022.
“V/v ly hôn giữa chị O và anh Q”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MỸ - TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Ngô Xuân Quỳnh
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Bà Ngô Thị Thanh Tân và bà Nguyễn Thị Hằng.
- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huệ - Thư ký Tòa

án nhân dân huyện Yên Mỹ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2022/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXX-ST ngày 20/5/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 16 ngày 10/6/2022 và số 18 ngày 20/6/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị O, sinh năm 1996. Có mặt.

Quê quán: Thôn X, xã Tr, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn Đ, Xã Th, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Anh Đỗ Ngọc Q, sinh năm 1987. Có mặt.

Sinh trú quán: Thôn Đ, xã Th, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Đỗ Ngọc Hoài A, sinh ngày 03/9/2017. HKTT Thôn Đ, xã Th, huyện Y, tỉnh Hưng Yên. Hiện nay ở tại thôn X, xã Tr, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện hợp pháp cho cháu An: Chị Trần Thị O và anh Đỗ Ngọc Q (là bố mẹ đẻ của cháu).

Người làm chứng: Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1978. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn X, xã Tr, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

Người bảo vệ quyền & lợi ích hợp pháp cho cháu Đỗ Ngọc Hoài A: Bà Lê Thị Thanh Hiền - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hưng Yên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/02/2022 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trần Thị O trình bày:

Về hôn nhân: Chị kết hôn với anh Đỗ Ngọc Q là người khác xã, kết hôn tự nguyện vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Long, huyện Yên Mỹ. Sau kết hôn vợ chồng ăn, ở chung với bố mẹ anh Q, cuộc sống chung hòa thuận được thời gian ngắn đã mâu thuẫn, nguyên nhân chính do vợ chồng bất đồng chuyện tình cảm, sống với nhau không hòa hợp, không tin tưởng nhau, chị đã nhiều lần bỏ đi rồi lại về chung sống với anh Q, nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Từ cuối năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn căng thẳng, chị đã đem con về nhà bố mẹ để sinh sống. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh Q, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có một con chung là cháu Đỗ Ngọc Hoài A, sinh ngày 03/9/2017 hiện nay đang ở với chị. Ly hôn, chị xin được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cháu A cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị tự nguyện không yêu cầu anh Quyền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ, ruộng canh tác: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đỗ Ngọc Q trình bày:

Về hôn nhân: Anh xác nhận thời gian kết hôn và quá trình vợ chồng chung sống như chị O trình bày là đúng, trong cuộc sống do chị O vẫn còn liên lạc với người yêu cũ nên anh không tin tưởng, vợ chồng sống với nhau không hòa hợp, tình cảm bị rạn nứt, anh và chị O sống ly thân nhau từ cuối năm 2020 cho đến nay. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị O nên nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có một con chung là cháu Đỗ Ngọc Hoài A, sinh ngày 03/9/2017 hiện nay ở với chị O. Ly hôn, anh xin được nuôi cháu A cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và tự nguyện không yêu cầu chị O cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người làm chứng bà Đỗ Thị H trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị O. Năm 2017 gia đình bà tổ chức cưới cho chị O và anh Q, nhưng cuộc sống chung giữa anh chị hay xảy ra mâu thuẫn bất đồng, chị O nhiều lần đem con về nhà bà ở, gia đình động viên chị O lại về sống với anh Q nhưng vẫn thường xuyên cãi nhau, tình cảm không khắc phục được. Từ cuối năm 2020 đến nay chị O và cháu A ở cùng gia đình bà. Nay bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị O và anh Q ly hôn và giải quyết cho chị O nuôi cháu Đỗ Ngọc Hoài A. Gia đình bà vẫn cam kết sẽ hỗ trợ chị O về nơi ở và trông nom chăm sóc cháu A cùng chị O.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện: Chị O và anh Q kết hôn năm 2017 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Long. Anh chị chung sống xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân nhiều lần, lần sau nhất là cuối năm 2020. Nay chị

O xin ly hôn anh Q, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh Q và chị O, nếu vợ chồng ly hôn thì đề nghị Tòa án giao cháu Đỗ Ngọc Hoài A cho chị O tiếp tục nuôi vì cháu An còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ hơn.

Tại phiên tòa

Nguyên đơn chị O giữ nguyên yêu cầu, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Q, đề nghị được tiếp tục nuôi cháu Đỗ Ngọc Hoài A, chị tự nguyện không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản, công nợ chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đỗ Ngọc Q nhất trí ly hôn với chị O, anh đề nghị được nuôi cháu Đỗ Ngọc Hoài A, anh không yêu cầu chị O cấp dưỡng nuôi con chung; Tài sản và công nợ anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trợ giúp viên pháp lý bà Lê Thị Thanh H phát biểu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Đỗ Ngọc Hoài A cho chị O tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán lập hồ sơ vụ án đúng trình tự thủ tục. Việc lấy lời khai của đương sự và xác minh tại địa phương đảm bảo tính khách quan, hợp pháp. Thời hạn chuẩn bị xét xử, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ đến Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu và việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng theo Điều 48; 179; 195; 196; 203 Bộ Luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn cơ bản đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo các Điều 70; 71, 72 Bộ Luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX) và Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự, nên Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Về nội dung:

Về hôn nhân: Chị O và anh Q có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Long vào năm 2017 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, vợ chồng chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và cả hai anh chị đều xác định tình cảm không còn, đều nhất trí ly hôn, đề nghị HĐXX căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của chị O và anh Q.

Về con chung: Đề nghị HĐXX. giao cháu Đỗ Ngọc Hoài A cho chị O chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Chị O và anh Q không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên nhận định:

[1] *Về hôn nhân:* Chị Trần Thị O và anh Đỗ Ngọc Q có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Long vào năm 2017, hai bên tự nguyện, không bị ép buộc, do vậy

theo Điều 8; 9 Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hai anh chị đã sống ly thân từ năm 2020, trong thời gian ly thân, cả hai đều không có ý thức hàn gắn tình cảm để đoàn tụ với nhau, nay cả hai cùng xác định không thể đoàn tụ được, cùng thuận tình ly hôn, điều này chứng tỏ mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích kết hôn của chị O và anh Q không đạt được, nên HĐXX căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, ghi nhận tự nguyện ly hôn của chị O và anh Q.

[2] *Về con chung*: Chị O và anh Q có 01 con chung là cháu Đỗ Ngọc Hoài A, sinh ngày 03/9/2017 hiện nay ở với chị O. Chị O có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc cháu A mà không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con, anh Q có quan điểm xin nuôi cháu A. HĐXX xét thấy cháu Đỗ Ngọc Hoài A còn nhỏ, từ khi vợ chồng sống ly thân nhau đến nay thì cháu A vẫn ở với chị O, gia đình chị O cam kết giúp đỡ chị O trong việc trông nom chăm sóc cháu A, mặc dù anh Q có nguyện vọng nuôi cháu A nhưng cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ hơn. Nên căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình HĐXX chấp nhận ý kiến của chị O, không chấp nhận ý kiến của anh Q, giao cho chị O được tiếp tục trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Đỗ Ngọc Hoài A cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Ghi nhận sự tự nguyện của chị O không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] *Về tài sản, công nợ, công sức*: Chị O và anh Q không yêu cầu, nên HĐXX không giải quyết.

[4] *Về án phí*: Chị Trần Thị O và anh Trần Văn Q mỗi người phải chịu 25% mức án phí không theo giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ: Điều 8; 9; 55; 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 24; 26 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và tiêu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) ban hành kèm theo Nghị quyết.

2/ Về hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của chị Trần Thị O và anh Đỗ Ngọc Q.

3/ Về con chung: Giao chị Trần Thị O được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đỗ Ngọc Hoài A, sinh ngày 03/9/2017 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Ghi nhận sự tự nguyện của chị O không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Q được quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật, không ai được ngăn cấm, cản trở.

Bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung; anh Q, chị O, cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

4/ Về tài sản, công nợ, công sức: Không giải quyết.

5/ Về án phí: Chị Trần Thị O và anh Đỗ Ngọc Q mỗi người phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi năm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn. Đối trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị O đã nộp theo biên lai số 0009163 ngày 17/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mỹ, hoàn trả chị O 225.000 đồng (Hai trăm hai mươi năm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

6/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Nguyên, bị đơn;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mỹ;
- Ủy ban nhân dân xã Thanh Long; huyện Yên Mỹ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)
Ngô Xuân Quỳnh